

Bản án số: 90/2022/HS-PT

Ngày: 29/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Vinh.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang

Ông Nguyễn Gia Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Diễm Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 85/TLPT-HS ngày 25 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Lương Thị Lan A, Nguyễn Thị V, do có kháng cáo của bị cáo Lương Thị Lan A, Nguyễn Thị V đối với bản án hình sự sơ thẩm số 20/2022/HSST ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Lương Thị Lan A**, sinh năm 1974; Tên gọi khác: Không; nơi đăng ký HKTT: Số nhà 20, đường NT, tổ 1B, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở hiện nay: Lô 10-N04, khu dân cư phía Nam, phường DK, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Không; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Lương L, sinh năm 1945 và bà Trần Thị L1, sinh năm 1949; chồng lần 1: Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1974 (đã chết), chồng lần 2: Nguyễn Văn D, sinh năm 1984 (đã ly hôn); con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Bản án số: 46/HSST ngày 20/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, tuyên phạt Lương Thị Lan A 185.955.951 đồng về tội “Trốn thuế”. Hiện chưa chấp hành xong, còn phải chấp hành: 115.505.951 đồng; tiền sự: Không,

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/3/2021, đến ngày 20/8/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1975; Tên gọi khác: Không; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số nhà 01, tổ 5, phường TX, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; quốc

tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Không; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Quốc H1, sinh năm 1948 (đã chết) và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1948; chồng: Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1971 (đã ly hôn); con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án: Không có; tiền sự: Không,

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án còn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, Phòng An ninh kinh tế Công an tỉnh Bắc Giang phát hiện Công ty TNHH thương mại tổng hợp NS ở phường DK, thành phố B có dấu hiệu mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng. Ngày 09/3/2021, Phòng An ninh kinh tế Công an tỉnh Bắc Giang bàn giao vụ việc cho Phòng An ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Giang giải quyết. Quá trình điều tra xác minh, ngày 24/3/2021, Lương Thị Lan A đến Cơ quan An ninh điều tra đầu thú, giao nộp 02 điện thoại di động và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

Trước năm 2018, Lương Thị Lan A có hoạt động mua bán vật tư, vật liệu xây dựng với nhiều Công ty, doanh nghiệp... nên A biết có nhiều Công ty có nhu cầu mua hóa đơn giá trị gia tăng để hợp thức hóa nguồn hàng hóa trôi nổi trên thị trường. Do vậy, A đã nảy sinh ý định thành lập Công ty để thực hiện việc mua bán hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) nhằm mục đích thu lợi bất chính. Khoảng năm 2018 - 2019, A mua lại 03 Công ty có đăng ký trụ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Giang rồi làm thủ tục chuyển đổi tên Công ty, thay đổi trụ sở các Công ty, thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty, thành 03 công ty gồm: Công ty TNHH thương mại tổng hợp NS (gọi tắt là Công ty NS); Công ty TNHH than khoáng sản P(gọi tắt là Công ty P); Công ty TNHH và xây dựng V1 (gọi tắt là Công ty V1) để bán trái phép hóa đơn GTGT thu lợi bất chính.

Trong quá trình điều hành hoạt động 03 Công ty nêu trên, để có hóa đơn đầu vào khi kê khai báo cáo thuế, Lương Thị Lan A đã liên hệ và mua hóa đơn đầu vào của Nguyễn Văn T3, sinh năm 1969, ở xã BS, huyện AD, thành phố P1, Lê Thanh P2, sinh năm 1975, ở xã T4, huyện AD, Tp P1, Trương Thanh S, sinh năm 1983, ở số 37B, ngõ 154 ĐC, quận BD, thành phố Hà Nội; đồng thời thuê các kế toán, nhân viên, mua máy móc, thiết bị để phục vụ hoạt động mua bán trái phép hóa đơn, kê khai báo cáo thuế đầy đủ để tránh sự phát hiện của Cơ quan chức năng.

Trong các kế toán được A thuê, có Nguyễn Thị V là người được A thuê ngay từ khi mua các Công ty và làm thủ tục chuyển đổi tên Công ty và giám đốc đại diện, đồng thời A giao cho V viết nội dung trên hóa đơn bán ra, hóa đơn mua vào (*khi A đưa quyền hóa đơn mua vào chưa có nội dung*), tổng hợp số hóa đơn bán ra của các Công ty và thông báo lại cho A để mua hóa đơn đầu vào cho phù hợp với kê khai, báo cáo thuế. Do biết A mua bán trái phép hóa đơn thu lợi nên tháng 01/2020 và tháng 02/2020, V đã đứng ra thành lập 02 Công ty gồm: Công ty TNHH DVTM AT

(gọi tắt là Công ty AT), Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ CE NA (gọi tắt là Công ty NA) để bán trái phép hóa đơn GTGT.

Hành vi phạm tội của bị can Lương Thị Lan A và Nguyễn Thị V xác định được như sau :

1. Hành vi thành lập Công ty để mua bán trái phép hóa đơn của Lương Thị Lan A:

* Đối với Công ty TNHH thương mại tổng hợp NS (gọi tắt Công ty NS): Cuối năm 2018, Lương Thị Lan A làm thủ tục chuyển đổi từ Công ty cổ phần NS 79 do Dương Văn D1, sinh năm 1981 ở thôn Tân Văn, xã TD, huyện LG, tỉnh Bắc Giang làm giám đốc đại diện (Công ty này do A cùng bạn bè thành lập) thành Công ty NS và nhiều lần làm thủ tục thay đổi, để người thân, người quen của A làm người đại diện theo pháp luật của Công ty, cụ thể : Từ Dương Văn D1 sang Nguyễn Văn D, sinh năm 1984 ở tổ NG, phường XG, thành phố B (chồng đã ly hôn của A); từ Nguyễn Văn D sang Nguyễn Tuấn P3, sinh năm 1997 ở tổ dân phố GH, phường DK, thành phố B (con trai của A); từ P3 sang Ngô Cảnh V2, sinh năm 1981 ở thôn TS, xã TD, huyện LG ; từ V2 sang Nguyễn P4, sinh năm 1976 ở số nhà 79, đường XG, phường XG, thành phố B. Từ ngày 13/3/2020, Công ty do Ngô Cảnh V2 làm giám đốc đại diện, đăng ký trụ sở tại Lô số 10- N04, khu dân cư phía Nam, phường DK, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Từ năm 2019, sau khi làm thủ tục chuyển đổi Công ty và người đại diện, A thông tin hoạt động mua bán hóa đơn đến khách hàng và trực tiếp điều hành Công ty bán hóa đơn. Khi có khách hàng đặt mua hóa đơn, A yêu cầu cung cấp thông tin doanh nghiệp, loại hàng hóa dịch vụ, số lượng, đơn giá để phục vụ cho việc viết hóa đơn. Sau đó, A cung cấp thông tin của khách hàng mua hóa đơn cho kế toán là Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị N, sinh năm 1983 ở số 30, ngõ 4, đường Đ, phường TP, thành phố B (N được A thuê từ tháng 11/2019) viết nội dung trên hóa đơn, soạn thảo hợp đồng kinh tế hoặc hợp đồng mua bán, biên bản nghiệm thu, biên bản xác nhận khối lượng... với các đơn vị cần mua hóa đơn; ký, đóng dấu tên người bán hàng trên hóa đơn theo quy định của A (Công ty P - Lê Thị T5, Công ty NS - Đỗ Thị M, Công ty V1 - Phạm Trần T6), đóng dấu Công ty tương ứng trên hóa đơn, hợp đồng, rồi chuyển lại cho A để A ký mạo danh chữ ký của Giám đốc Nguyễn Tuấn P3, Ngô Cảnh V2 và chuyển toàn bộ hóa đơn, hợp đồng cho khách hàng cần mua hóa đơn. Từ tháng 4/2019 đến tháng 3/2021, A đã xuất bán 451 hóa đơn GTGT của Công ty NS cho 77 Công ty trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, thành phố Hà Nội, Thái Nguyên... trong đó có Công ty V1 (có danh sách kèm theo), với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế là 284.661.737.008 đồng, tương ứng với 28.466.173.701 đồng tiền thuế, với giá 3,5% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn. Riêng Công ty AT và Công ty NA bán với giá 2,7%.

Đối với 76 Công ty có hóa đơn GTGT của Công ty NS (không tính Công ty V1), Cơ quan điều tra đã điều tra xác minh, lấy lời khai người đại diện hoặc người được ủy quyền 66/76 Công ty (các Công ty này đều xác định đã mua hàng hóa, dịch vụ của những đối tượng không quen biết giới thiệu là nhân viên của Công ty NS và được xuất hóa đơn hoặc xác định không phát sinh giao dịch với Công ty NS); 10/76 Công ty Cơ quan điều tra chưa làm việc được do tình hình dịch bệnh Covid 19, do

vắng người đại diện hoặc Công ty ngừng hoạt động, Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến các Công ty này để tiếp tục điều tra, nếu có căn cứ xử lý sau.

Từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2020, đề kê khai hóa đơn đầu vào cho Công ty, A đã sử dụng 256 hóa đơn của 14 Công ty để kê khai hóa đơn đầu vào. Quá trình điều tra xác định có 05 hóa đơn của Hợp tác xã khai thác kinh doanh vận tải vật liệu xây dựng YS và 01 hóa đơn bán hàng của Nhà hàng nổi Hải Đăng có phát sinh giao dịch với Công ty NS, 01 hóa đơn của Công ty P xuất cho Công ty NS; còn lại mua của Nguyễn Văn T3, Lê Thanh P2, Trương Thanh S 249 hóa đơn GTGT đứng tên 11 Công ty trên địa bàn thành phố Hà Nội, thành phố P1 (*Có danh sách kèm theo*) với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế là 275.360.196.676 đồng, tương ứng với 27.536.019.667 tiền thuế với giá 2,7% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn.

Để chứng minh Công ty NS vẫn hoạt động bình thường, hàng năm A đều tính toán và nộp đầy đủ các khoản thuế cho Công ty với tổng số tiền là 145.362.809 đồng.

Như vậy, số tiền Lương Thị Lan A thu được từ việc bán hóa đơn GTGT của Công ty NS là: (284.661.737.008 đồng- 2.905.599.245 đồng Công ty NS xuất 02 hóa đơn GTGT cho Công ty V1- 4.757.420.890 đồng Công ty NS xuất 09 hóa đơn cho Công ty AT, NA) x 3,5% + 4.757.420.890 đồng x 2,7% = 9.823.405.455 đồng. A đã sử dụng để mua hóa đơn GTGT đầu vào là: 275.360.196.676 x 2,7% + 88.787.000 đ (*số tiền phát sinh giao dịch thật của 06 hóa đơn*) = 7.523.512.310 đồng; sử dụng nộp các khoản thuế là 145.362.809 đồng. Lương Thị Lan A còn được hưởng lợi số tiền là: 9.823.405.455 đồng - 7.523.512.310 đồng- 145.362.809 đồng = 2.154.530.335 đồng (*chưa trừ các khoản chi phí khác phục vụ hoạt động của Công ty*).

* Đối với Công ty TNHH than khoáng sản P (*gọi tắt là Công ty P*): Năm 2019, thông qua mối quan hệ quen biết, Lương Thị Lan A mua lại Công ty của Nguyễn Đức T7, sinh năm 1983 ở tổ dân phố D2, phường XG, thành phố B, tỉnh Bắc Giang với giá 20 triệu đồng. Sau khi mua lại Công ty, A làm thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Nguyễn Đức T7 sang bản thân làm giám đốc đại diện, đăng ký trụ sở tại Lô 29- N12, khu dân cư mới số 2, phường XG, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, tiếp đó chuyển trụ sở Công ty về Lô số 10- N04, khu dân cư phía Nam, phường DK, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Khi bị phát hiện đăng ký trụ sở tại Số 20, đường NT, tổ 1B, phường H, thành phố B.

Với phương thức, thủ đoạn như trên, từ tháng 01/2019 đến tháng 03/2021, Lương Thị Lan A đã xuất bán 453 hóa đơn GTGT của Công ty P cho 88 Công ty trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, thành phố Hà Nội, Thái Nguyên..., trong đó có Công ty NS (*có danh sách kèm theo*), với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế là: 283.202.348.311 đồng, tương ứng với 28.320.234.831 đồng tiền thuế, với giá 3,5% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn. Riêng Công ty AT và Công ty NA bán với giá 2,7%.

Đối với 87 Công ty có hóa đơn GTGT của Công ty P (*không tính Công ty NS*), Cơ quan điều tra đã điều tra xác minh, lấy lời khai người đại diện hoặc người được ủy quyền 72/87 Công ty (các Công ty này đều xác định đã mua hàng hóa dịch vụ của đối tượng không quen biết giới thiệu là nhân viên của Công ty P và được xuất hóa đơn hoặc xác định không phát sinh giao dịch với Công ty P); 15/87 Công ty Cơ quan điều tra chưa làm việc được do tình hình dịch bệnh Covid 19, do vắng người đại diện

hoặc Công ty ngừng hoạt động, Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến các Công ty này để tiếp tục điều tra, xem xét xử lý sau.

Từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2020, đề kê khai hóa đơn đầu vào cho Công ty, A đã sử dụng 267 hóa đơn của 19 Công ty để kê khai hóa đơn đầu vào. Quá trình điều tra xác định có 11 hóa đơn của các Công ty cổ phần đá Đồng Mỏ, Công ty cổ phần gạch Tân Xuyên, Công ty TNHH thương mại vận tải 189, Công ty cổ phần xây dựng Trường Thịnh có phát sinh giao dịch với Công ty P; còn lại mua của Nguyễn Văn T3, Lê Thanh P2, Trương Thanh S 256 hóa đơn GTGT đứng tên 15 Công ty trên địa bàn thành phố Hà Nội, thành phố P1 (*Có danh sách kèm theo*) với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế là 332.691.817.025 đồng, tương ứng với 33.269.181.703 tiền thuế.

Để chứng minh Công ty P vẫn hoạt động, A đều nộp đầy đủ các khoản thuế cho Công ty với tổng số tiền là 65.987.420 đồng.

Như vậy, số tiền Lương Thị Lan A đã thu được từ việc bán hóa đơn GTGT của Công ty Plà: (283.202.348.311 đồng - 270.395.800 đồng Công ty P xuất 01 hóa đơn GTGT cho Công ty NS - 615.110.000 đồng Công ty P xuất 02 hóa đơn cho Công ty AT, NA) x 3,5% + 615.110.000 đồng x 2,7% = 9.897.697.458 đồng. A đã sử dụng mua hóa đơn GTGT đầu vào là: 332.691.817.025 đồng x 2,7% + 1.517.652.992 đồng (*số tiền phát sinh giao dịch thật của 15 hóa đơn*) = 10.500.332.052 đồng; sử dụng nộp các khoản thuế là 65.987.420 đồng. A không được hưởng lợi mà bị âm số tiền 668.622.014 đồng. Theo A khai, lý do bị âm vì nhập một số hàng hóa thật có hóa đơn, đưa vào hạch toán chi phí của Công ty hoặc bán lại cho người mua không tính thuế giá trị gia tăng.

* *Đối với Công ty TNHH và XD V1 Việt (gọi tắt là Công ty V1):* Năm 2019, Lương Thị Lan A thông qua mối quan hệ xã hội, A liên hệ và mua lại của Ngô Xuân Thìn, sinh năm 1953 ở thôn Hồ Vầu, xã Tân Hưng, huyện LG, tỉnh Bắc Giang Công ty TNHH Nông Nghiệp V1 Việt với giá 30 triệu đồng. Sau khi mua lại Công ty, A làm thủ tục thay đổi tên Công ty thành Công ty TNHH và XD V1 Việt và thay đổi người đại diện từ Ngô Xuân Thìn sang cho Nguyễn Q, sinh năm 1978 ở số nhà 79, đường XG, phường XG, thành phố B. Từ ngày 06/7/2020, Công ty do Nguyễn Tuấn P3 làm giám đốc đại diện, đăng ký trụ sở tại Số 332, đường XG, phường NQ, thành phố B. Khi bị phát hiện đăng ký trụ sở tại Số 20, đường NT, tổ 1B, phường H, thành phố B.

Cũng với phương thức thủ đoạn như trên, từ tháng 01/2019 đến tháng 02/2021, Lương Thị Lan A đã ký mạo danh chữ ký của giám đốc Nguyễn Q, Nguyễn Tuấn P3 xuất bán 240 hóa đơn GTGT của Công ty V1 cho 49 Công ty trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, thành phố Hà Nội, Thái Nguyên... (*có danh sách kèm theo*) với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế là: 213.025.898.852 đồng, tương ứng với 21.302.589.885 đồng tiền thuế, với giá 3,5% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn. Riêng Công ty AT và Công ty NA bán với giá 2,7%.

Đối với 49 Công ty có hóa đơn của Công ty V1, Cơ quan điều tra đã điều tra xác minh, lấy lời khai người đại diện hoặc người được ủy quyền 43/49 Công ty (các Công ty này đều xác định đã mua hàng hóa dịch vụ của đối tượng không quen biết giới thiệu là nhân viên của Công ty V1 và được xuất hóa đơn hoặc xác định không phát sinh giao dịch với Công ty V1); còn 6/49 Công ty, Cơ quan điều tra chưa làm

việc được do tình hình dịch bệnh Covid 19, do vắng người đại diện hoặc Công ty ngừng hoạt động, Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến các Công ty này để tiếp tục điều tra, xem xét xử lý sau.

Để hợp lý hóa việc bán hóa đơn, Lương Thị Lan A sử dụng 114 hóa đơn GTGT của 07 Công ty mua từ T3, P3, S (*Có danh sách kèm theo*), với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế là 128.547.317.558 đồng, tương ứng với 12.854.731.756 đồng tiền thuế, với giá 2,7% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn và 02 hóa đơn của Công ty NS với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế là 2.905.599.245 đồng, tương ứng với 290.559.925 đồng tiền thuế. Quá trình điều tra xác định các Công ty này đều không phát sinh giao dịch với Công ty V1.

Để chứng minh Công ty V1 vẫn hoạt động, A đã nộp đầy đủ các khoản thuế cho Công ty V1 với tổng số tiền là 60.402.337 đồng.

Như vậy, số tiền Lương Thị Lan A đã thu được từ việc bán hóa đơn GTGT của Công ty V1 Việt là: $(213.025.898.852 \text{ đồng} - 14.081.327.740 \text{ đồng Công ty V1 xuất 07 hóa đơn cho Công ty AT, NA}) \times 3,5\% + 14.081.327.740 \text{ đồng} \times 2,7\% = 7.343.255.838 \text{ đồng}$. A đã sử dụng mua hóa đơn GTGT đầu vào là: $128.547.317.558 \text{ đồng} \times 2,7\% = 3.470.777.574 \text{ đồng}$; sử dụng nộp các khoản thuế là 60.402.337 đồng. A còn được hưởng lợi $7.343.255.838 \text{ đồng} - 3.470.777.574 \text{ đồng} - 60.402.337 \text{ đồng} = 3.881.985.927 \text{ đồng}$ (*chưa trừ các khoản chi phí phục vụ hoạt động của Công ty*).

Quá trình điều tra A khai ngoài các khoản thuế phải đóng, A còn phải chi phí tổng số tiền: 1.607.000.000 đồng, bao gồm các khoản sau:

- Thuê các kế toán hết 641 triệu đồng, gồm: Nguyễn Thị V với tiền công từ tháng 3/2019 đến tháng 2/2021 tổng cộng là: 195 triệu đồng, Nguyễn Thị N, với tiền công từ tháng 11/2019 đến tháng 2/2021 là 133 triệu; thuê Nguyễn Thị Thái H2, sinh năm 1977 ở số 01, đường PL, phường TX, thành phố B làm kế toán kê khai báo cáo thuế với tiền công năm 2019 và 2020 là: 200 triệu đồng; Nguyễn Thị H3, sinh năm 1987 ở số nhà 50, ngõ 190, đường H4, thành phố B làm kế toán ngân hàng với tiền công từ tháng 6/2020 đến tháng 8/2020 là: 10 triệu đồng; thuê tạp vụ Nguyễn Thị Bích N1, sinh năm 1978 ở số 12 đường L2, phường NQ, thành phố B với tiền công từ tháng 1/2021 đến tháng 3/2021 tổng cộng là 15 triệu đồng; Trịnh Thị Đ1, sinh năm 1993 ở xã TP, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc kế toán ngân hàng với tiền công: 25 triệu đồng; Thân Thị Thùy L3, sinh năm 1998 ở thôn QH, xã QT, huyện LG, tỉnh Bắc Giang làm kế toán với tiền công từ tháng 6/2020- tháng 2/2021 là: 63.000.000 đồng.

- Tiền phục vụ hoạt động của Công ty: 966 triệu đồng, gồm các khoản: Mua công ty và chi phí chuyển đổi công ty: 60.000.000 đồng; Mua máy tính, máy in...: 114.000.000 đồng; thuê nhà để đặt trụ sở Công ty: 312.000.000 đồng; in hóa đơn giá trị gia tăng cho 03 Công ty: 55 triệu đồng; mua văn phòng phẩm: 200.000.000 đồng; trả tiền chuyển phát nhanh, điện thoại: 25.000.000 đồng; trả tiền thuê xe, ăn uống khi đi lại xuống P1, Hà Nội để gặp T3, P3, S mua hóa đơn: 200.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền A được hưởng lợi từ việc mua bán trái phép 1.144 hóa đơn GTGT của 03 Công ty NS, P, V1 là $(2.154.530.335 \text{ đồng} + 3.811.985.927 \text{ đồng} - 668.622.014 \text{ đồng} - 1.607.000.000 \text{ đồng}) = 3.690.894.248 \text{ đồng}$. (*làm tròn số xác định A hưởng lợi: 3.690.894.000 đồng*)

Ngày 24/3/2021, Cơ quan điều tra T3 hành khám xét khẩn cấp nơi ở của A tại số nhà 20, đường NT, tổ 1B, phường H, thành phố B, quá trình khám xét thu giữ 05 cây máy tính, 28 con dấu các loại của Công ty NS , P, V1, (dấu công ty, dấu chức danh Giám đốc), 75 quyển hóa đơn...và ngày 26/3/2021, Nguyễn Thị Thái H2 đã giao nộp các hồ sơ kê khai báo cáo thuế năm 2019, 2020 của 03 Công ty do A điều hành.

2. Hành vi giúp sức Lương Thị Lan A trong việc bán trái phép hóa đơn và thành lập Công ty để mua bán trái phép hóa đơn của Nguyễn Thị V cụ thể như sau:

Từ tháng 01/2020, Nguyễn Thị V biết rõ Lương Thị Lan A điều hành 03 Công ty NS , P, V1 Việt để mua bán trái phép hóa đơn. Để được A trả công, V tiếp tục giúp A thực hiện việc tổng hợp hóa đơn bán ra của 03 Công ty để A mua hóa đơn đầu vào cho phù hợp, cũng có thời gian V viết nội dung hóa đơn đầu vào khi A đưa cho quyển hóa đơn đầu vào chưa có nội dung. Kết quả điều tra xác định từ tháng 01/2020- tháng 3/2021, V giúp sức A bán trái phép tổng số 759 hóa đơn GTGT của 03 Công ty NS , P, V1 Việt (P: 270, NS : 271, V1 Việt : 218), được A trả công: 136 triệu đồng.

Để vì mục đích vụ lợi, V đã đứng ra thành lập 02 Công ty TNHH DVTM AT (Công ty AT) và Công ty TNHH TM và DV CE NA (Công ty NA) để điều hành việc mua bán trái phép hóa đơn. Ngày 23/4/2021, Nguyễn Thị V đến Cơ quan An ninh điều tra giao nộp 02 con dấu của Công ty AT và Công ty NA, 02 dấu chức danh và các hóa đơn của 02 Công ty này, đồng thời khai nhận cụ thể như sau:

* *Đối với Công ty TNHH DVTM AT (gọi tắt là Công ty AT):* Tháng 01/2020, Nguyễn Thị V thành lập Công ty AT và trực tiếp làm người đại diện theo pháp luật của Công ty, đăng ký trụ sở tại Số 01, đường PL, tổ 5, phường TX, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi thành lập Công ty, thông qua việc giúp sức cho A mua bán trái phép hóa đơn, khi có người đặt vấn đề mua hóa đơn, V sử dụng Công ty do mình thành lập để xuất bán hóa đơn. Từ tháng 01/2020 đến tháng 01/2021, Nguyễn Thị V đã xuất bán 63 hóa đơn GTGT của Công ty AT cho 16 Công ty trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Lạng S, Lai Châu, thành phố Hà Nội (*có danh sách kèm theo*), với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế là: 9.880.551.150 đồng, tương ứng với 988.055.115 đồng tiền thuế, với giá 2,9% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn.

Đối với 16 Công ty có hóa đơn của Công ty AT, Cơ quan điều tra đã điều tra xác minh, lấy lời khai người đại diện hoặc người được ủy quyền 14/16 Công ty (các Công ty này đều xác định đã mua hàng hóa dịch vụ của đối tượng không quen biết giới thiệu là nhân viên của Công ty AT và được xuất hóa đơn); còn 2/14 Công ty Cơ quan điều tra chưa làm việc được do tình hình dịch bệnh Covid 19 hoặc do vắng người đại diện, Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến các Công ty này để tiếp tục điều tra, xem xét xử lý sau.

Để hợp lý hóa việc bán hóa đơn GTGT, từ tháng 01/2020 đến tháng 12/2020, Nguyễn Thị V mua 10 hóa đơn của 03 Công ty do Lương Thị Lan A điều hành (*Có danh sách kèm theo*), với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế là 11.225.571.840 đồng, tương ứng với 1.122.557.184 đồng tiền thuế với giá 2,7% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn.

Để chứng minh Công ty AT vẫn hoạt động bình thường, V nộp đầy đủ các khoản thuế cho công ty với tổng số tiền là 4.000.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị V đã thu được số tiền từ việc bán hóa đơn GTGT của Công ty AT là: $9.880.551.150 \times 2,9\% = 286.535.983$ đồng. Tuy nhiên, V đã sử dụng để mua hóa đơn GTGT đầu vào của 03 Công ty do Lương Thị Lan A điều hành là $11.225.571.840 \times 2,7\% = 303.090.440$ đồng; sử dụng nộp các khoản thuế là 4.000.000 đồng. Nguyễn Thị V chưa được hưởng lợi mà bị âm số tiền 20.554.457 đồng vì chưa bán được nhiều hóa đơn.

* *Đối với Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ CE NA (gọi tắt là Công ty NA):* Tháng 02/2020, Nguyễn Thị V sử dụng chứng minh nhân dân của em trai là Nguyễn Hoài N2, sinh năm 1979 ở số 303, đường T8, phường TX, thành phố B, tỉnh Bắc Giang thành lập Công ty NA, để Nguyễn Hoài N2 làm giám đốc đại diện, đăng ký trụ sở tại nơi ở của Nam.

Với phương thức, thủ đoạn như trên, từ tháng 02/2020 đến tháng 12/2020, Nguyễn Thị V đã ký mạo danh chữ ký giám đốc Nguyễn Hoài N2 xuất bán 48 hóa đơn GTGT của Công ty NA cho 05 Công ty trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Lai Châu (*có danh sách kèm theo*), với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế là: 8.100.983.924 đồng, tương ứng với 810.098.392 đồng tiền thuế, với giá 2,9% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn, các Công ty này đều xác định đã mua hàng hóa dịch vụ của đối tượng không quen biết giới thiệu là nhân viên của Công ty NA và được xuất hóa đơn.

Để hợp lý hóa việc bán hóa đơn GTGT, từ tháng 02/2020 đến tháng 12/2020 Nguyễn Thị V mua 08 hóa đơn của 03 Công ty do Lương Thị Lan A điều hành (*Có danh sách kèm theo*), với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế là 8.228.286.790 đồng, tương ứng với 822.828.679 đồng tiền thuế với giá 2,7% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn.

Để chứng minh Công ty NA vẫn hoạt động bình thường, V tính toán và nộp đầy đủ các khoản thuế cho Công ty với tổng số tiền là 7.494.951 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị V đã thu được số tiền từ việc bán hóa đơn GTGT của Công ty NA là: $8.100.983.924 \times 2,9\% = 234.928.533$ đồng. V đã sử dụng để mua hóa đơn GTGT đầu vào là $8.228.286.790 \times 2,7\% = 222.163.743$ đồng; sử dụng nộp các khoản thuế là 7.494.951 đồng. V còn được hưởng lợi: $234.928.533 \text{ đồng} - 222.163.743 \text{ đồng} - 7.494.951 \text{ đồng} = 5.269.839 \text{ đồng}$.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị V khai: Từ khi thành lập 02 Công ty và thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn, V còn phải chi phí hết 29 triệu đồng, gồm các khoản sau: Chi phí thành lập 02 Công ty 05 triệu đồng, in hóa đơn của 02 Công ty: 09 triệu đồng, tiền làm biển hiệu 02 công ty: 03 triệu đồng; mở tài khoản ngân hàng : 02 triệu đồng; chi phí văn phòng phẩm (mua giấy, chuyển phát nhanh, điện thoại..): 10 triệu đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị V được hưởng lợi từ việc giúp sức Lương Thị Lan A mua bán trái phép 759 hóa đơn và điều hành 02 Công ty AT, NA xuất bán trái phép 111 hóa đơn GTGT như sau: $136.000.000 \text{ đ} + 5.269.839 \text{ đ} - 20.554.457 \text{ đ} - 29.000.000 \text{ đ} = 91.715.382 \text{ đ}$. (*làm tròn số xác định V được hưởng lợi 91.715.000đ*)

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra T3 hành trưng cầu chữ ký, chữ viết của Lương Thị Lan A, Nguyễn Thị V và các con dấu Công ty trên các hóa đơn giá trị gia tăng xuất bán và các tài liệu liên quan, kết quả như sau:

- Kết luận giám định số 525 ngày 30/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận:

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Q dưới mục “Thủ trưởng đơn vị” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1- A9, A12, A13) so với chữ ký cùng dạng của Lương Thị Lan A trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M10, M11) là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Tuấn P3 dưới mục “Thủ trưởng đơn vị” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A10- A11, A14 đến A26) so với chữ ký cùng dạng của Lương Thị Lan A trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M8, M9) là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký mang tên Ngô Cảnh V2 dưới mục “Thủ trưởng đơn vị”, « Đại diện bên A » trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A27- A32, A53 đến A60) so với chữ ký cùng dạng của Lương Thị Lan A trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M6, M7) là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký mang tên Lương Thị Lan A trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A33 đến A52) so với chữ ký của Lương Thị Lan A trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M4, M5) là do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn mang tên Công ty TNHH thương mại và xây dựng V1 Việt, Công ty TNHH thương mại tổng hợp NS, Công ty TNHH than khoáng sản P trên các tài liệu cần giám định ký hiệu (A1- A26 ; A27- A32 ; A53-A60 ; A33- A52) so với hình dấu trên các tài liệu mẫu (M12- 13) là cùng một con dấu đóng ra.

+ Hình dấu chức danh có nội dung « Giám đốc Nguyễn Q » ; « Giám đốc Nguyễn Tuấn P3 » ; « Giám đốc Ngô Cảnh V2 » dưới mục “Thủ trưởng đơn vị” ; “Đại diện bên A” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1- A32 ; A53-A60) so với hình dấu chức danh có cùng nội dung trên tài liệu mẫu (ký hiệu M18, M19, M20) là do cùng một con dấu đóng ra.

+ Hình dấu chức danh có nội dung « Giám đốc Lương Thị Lan A » trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A33- A52) so với hình dấu chức danh có cùng nội dung trên tài liệu mẫu (ký hiệu M21) là do cùng một con dấu đóng ra.

- Kết luận giám định số 989/KL- KTHS ngày 14/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

+ Hình dấu tròn mang tên « Công ty TNHH DVTM AT » trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A5, A32, A33, A37, A38, A39, A44, A46) so với hình dấu có cùng nội dung của Công ty TNHH DVTM AT trên tài liệu mẫu (ký hiệu M12) là do cùng một con dấu đóng ra.

+ Hình dấu chức danh có nội dung « Giám đốc Nguyễn Thị V » trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A5, A39, A44, A46) so với hình dấu chức danh có cùng nội dung trên tài liệu mẫu (ký hiệu M12) là do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ ký dạng chữ viết « Anh » dưới các mục « Thủ trưởng đơn vị », « Đại diện bên B » trên các tài liệu cần giám định, ký hiệu từ A1 đến A5, A32, A33, A37, A38, A39, A44, A46) so với chữ ký cùng dạng của Nguyễn Thị V trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M6) là do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn mang tên « Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ CE NA » trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A34, A35, A36, từ A40 đến A43, A45) so với

hình dấu có cùng nội dung của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ CE NA trên tài liệu mẫu (ký hiệu M11) là do cùng một con dấu đóng ra.

+ Hình dấu chức danh có nội dung « Giám đốc Nguyễn Hoài N2 » trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A34 A35, A36, từ A40 đến A43, A45) so với hình dấu chức danh có cùng nội dung trên tài liệu mẫu (ký hiệu M11) là do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ ký mang tên « Nguyễn Hoài N2 » trên các tài liệu cần giám định, ký hiệu A34 A35, A36, từ A40 đến A43, A45 so với chữ ký cùng dạng của Nguyễn Thị V trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M7) là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký (dạng in qua giấy than) trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1- A5- trừ chữ ký, chữ viết « Đạt - Trịnh T3 Đạt » dưới mục « Người bán hàng » trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ viết của Nguyễn Thị V trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M5) là của cùng một người.

+ Chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A6 đến A31) so với chữ viết của Nguyễn Thị V trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M5) là do cùng một người viết ra.

Cáo trạng số: 01/CT-VKS-P1 ngày 31/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Lương Thị Lan A về tội “*Mua bán trái phép hoá đơn*” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị V về tội “*Mua bán trái phép hoá đơn*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 20/2022/HSST ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

1. Căn cứ điểm d, đ khoản 2 và khoản 3 Điều 203; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; Điều 41 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Lương Thị Lan A **01** (một) năm **03** (ba) tháng tù, về tội: “*Mua bán trái phép hoá đơn*”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án. Nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 24/3/2021 đến ngày 20/8/2021).

Phạt bổ sung bằng tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Cấm bị cáo Lương Thị Lan A hành nghề kinh doanh trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; Điều 41 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị V **01** (một) năm tù, về tội: “*Mua bán trái phép hoá đơn*” thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bằng tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Cấm bị cáo Nguyễn Thị V hành nghề kinh doanh trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về thu lợi bất chính, vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 24/02/2022, bị cáo Lương Thị Lan A có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 24/02/2022, bị cáo Nguyễn Thị V có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bị cáo khai nhận bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” là đúng, không oan sai và trình bày các căn cứ, lý do kháng cáo:

- Bị cáo Lương Thị Lan A đã tự nguyện nộp 20.200.000 đồng tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, con bị cáo còn nhỏ.

- Bị cáo Nguyễn Thị V đã tự nguyện nộp 70.200.000 đồng tiền phạt, tiền thu lời và án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo còn mẹ già cần phải chăm sóc.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Thị Lan A; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị V, giữ nguyên mức hình phạt, cho bị cáo V được hưởng án treo.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 và khoản 3 Điều 203; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; Điều 41 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Lương Thị Lan A **01** (một) năm **03** (ba) tháng tù, về tội: “*Mua bán trái phép hoá đơn*”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án. Nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 24/3/2021 đến ngày 20/8/2021).

Cấm bị cáo Lương Thị Lan A hành nghề kinh doanh trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 65; Điều 41 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị V **01** (một) năm tù, về tội: “*Mua bán trái phép hoá đơn*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 29/6/2022.

Cấm bị cáo Nguyễn Thị V hành nghề kinh doanh trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ngày 29/6/2022

Bị cáo Nguyễn Thị V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lương Thị Lan A phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm

Bị cáo không có tranh luận gì.

Bị cáo A nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo cho bị cáo.

Bị cáo V nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Lương Thị Lan A, Nguyễn Thị V nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2021, Lương Thị Lan A, sinh năm 1974 ở số 20, đường NT, tổ 1B, phường H, thành phố B tỉnh Bắc Giang và Nguyễn Thị V, sinh năm 1975 ở số 01, tổ 5, phường TX, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã điều hành 05 công ty NS , P, V1 Việt, AT, NA để bán trái phép hóa đơn cho nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và nhiều tỉnh, thành phố như Bắc Ninh, Lạng S, Nghệ An, Tp Hà Nội...Trong đó:

- Lương Thị Lan A trực tiếp điều hành 03 Công ty: Công ty NS , P, V1 Việt để bán trái phép 1.144 hóa đơn GTGT, thu lợi số tiền 3.690.894.000 đồng.

- Nguyễn Thị V giúp sức cho A bán trái phép 759 hóa đơn GTGT của 03 Công ty NS , P, V1 Việt; trực tiếp thành lập, điều hành 02 Công ty: Công ty AT, NA bán trái phép 111 hóa đơn GTGT, thu lợi số tiền 91.715.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước đối với các loại hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước và các quy định trong lĩnh vực thuế.

Các bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Án sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lương Thị Lan A, Nguyễn Thị V về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” được quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật, không oan.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lương Thị Lan A, Nguyễn Thị V thì thấy:

* Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Lương Thị Lan A đã có 01 tiền án, nay lại phạm tội. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Tái phạm*”, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

* Về tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo Lương Thị Lan A: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị V: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Xét thấy: Bản án sơ thẩm sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo, đánh giá toàn bộ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đã xử phạt bị cáo Lương Thị Lan A 01 năm 03 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” và bị cáo Nguyễn Thị V 01 năm tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lương Thị Lan A đã nộp 20.200.000 đồng tiền phạt và án phí sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị V đã nộp 70.200.000 đồng tiền phạt, án phí và tiền thu lời bất chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 nên tại cấp phúc thẩm cần áp dụng cho các bị cáo.

- Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt:

Đối với bị cáo Lương Thị Lan A, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo phạm tội có vai trò chính, số lượng hóa đơn mua bán trái phép và số tiền thu lời lớn chưa khắc phục. Bị cáo có tiền án nay lại tái phạm. Án sơ thẩm đã xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo, do vậy không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị V: Án sơ thẩm xử phạt bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt do vậy không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cần giữ nguyên hình phạt như án sơ thẩm.

- Về kháng cáo xin hưởng án treo:

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thị V phạm tội với vai trò giúp sức, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cấp phúc thẩm có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới; phạm tội lần đầu, có nơi cư trú ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà cho cải tạo tại địa phương có thời gian thử thách cũng đủ giáo dục bị cáo thành người tốt. Bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị V, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là đúng quy định và phù hợp pháp luật.

Đối với kháng cáo của bị cáo Lương Thị Lan A: Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và nhân thân: Bị cáo A có 01 tiền án, Bản án số: 46/HSST ngày 20/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, tuyên phạt Lương Thị Lan A 185.955.951 đồng về tội “Trốn thuế”. Hiện chưa chấp hành xong, còn phải chấp hành: 115.505.951 đồng. Do vậy, bị cáo A không đủ điều kiện được hưởng án treo nên không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Cần bắt bị cáo phải cách ly xã hội là cần thiết để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo bị cáo Nguyễn Thị V được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lương Thị Lan A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Thị Lan A và chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị V, sửa bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ điểm d, đ khoản 2 và khoản 3 Điều 203; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; Điều 41 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Lương Thị Lan A **01** (một) năm **03** (ba) tháng tù, về tội: “*Mua bán trái phép hoá đơn*”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án. Nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 24/3/2021 đến ngày 20/8/2021).

Cấm bị cáo Lương Thị Lan A hành nghề kinh doanh trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 65; Điều 41 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị V **01** (một) năm tù, về tội: “*Mua bán trái phép hoá đơn*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 29/6/2022.

Cấm bị cáo Nguyễn Thị V hành nghề kinh doanh trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ngày 29/6/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Thị V cho Ủy ban nhân dân phường TX, thành phố B, tỉnh Bắc Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 93 của Luật thi hành án hình sự.

** Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị V đã nộp 70.200.000 đồng tiền phạt, tiền thu lời và tiền án phí hình sự sơ thẩm tại các biên lai số 0000684 ngày 13/5/2022 và biên lai số 0000711 ngày 06/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Xác nhận bị cáo Lương Thị Lan A đã nộp 20.200.000đ tiền phạt và tiền án phí tại biên lai số 0000685 ngày 13/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thị V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lương Thị Lan A phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hải Vinh